

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG**

Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) thành lập tháng 07/2008, vốn điều lệ 500 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép số 52/GPĐCS/KDBH ngày 27 tháng 01 năm 2022. Giấy phép hoạt động do Bộ Tài Chính cấp và có giá trị trong 50 năm.

Công ty mẹ là Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon thuộc Tập đoàn Tài chính Fubon tại Đài Loan sở hữu 100% vốn.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty: Bảo hiểm sức khỏe; bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm trách nhiệm; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; kinh doanh tài bảo hiểm, hoạt động bảo hiểm ngoài lãnh thổ Việt Nam và một số nghiệp vụ bảo hiểm khác...

**Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2022**

- Ưu tiên mục tiêu hiệu quả, đảm bảo có lãi nghiệp vụ.
- Chủ trọng phát triển sản phẩm bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn.
- Đẩy mạnh phát triển nhóm sản phẩm bảo hiểm thương mại có hiệu quả.
- Tăng cường phát triển nguồn khách hàng phi Đài Loan và khách hàng cá nhân.
- Dự kiến đạt mức doanh thu phi bảo hiểm gốc và nhận tài là 715 tỷ đồng.

**II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Báo cáo tình hình tài chính:**

- Năm 2021, Công ty đã đạt doanh thu phi bảo hiểm gốc là 597 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 2,8 tỷ đồng. Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận.
- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán: đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ Tài chính.
- Công ty không có thay đổi về vốn pháp định, vốn chủ sở hữu tăng từ lợi nhuận chưa phân phối.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Năm 2021 Công ty lãi trước thuế 3.722.640.213 VND.

**3. Xếp hạng tín nhiệm:**

Trong năm 2021, tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới A.M. Best chứng nhận năng lực Tài chính của Fubon Vietnam ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng tín nhiệm năng lực tổ chức phát hành ở mức "bbb+", Triển vọng nâng hạng cho các hạng mục này ở mức "Ổn định".

**III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

**IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**1. KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Kiểm toán nội bộ Công ty đã tiến hành kiểm tra tất cả các hoạt động của Công ty vào tháng 03 và tháng 08 năm 2021. Và chúng tôi không phát hiện bất cứ trường hợp đặc biệt nào phát sinh trong kỳ báo cáo.

**2. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CN Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**V. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Công ty mẹ đã hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, cũng như chuyên môn về phát triển sản phẩm và dịch vụ khách hàng.

**VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Cơ cấu tổ chức:**

Tổng số cán bộ nhân viên 111 người (tính đến 31/12/2021).

**2. Ban giám đốc:**

- Ông Chen, Cheng - Chiu - Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 5 năm 2021)
- Ông Kuo, Yu - Hsin - Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 5 năm 2021)
- Ông Chou, Yi - Hsin - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Đinh Ngọc Lan - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hồ Chí Thánh - Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2021**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (DVT: VND)**

STT	NỘI DUNG	31/12/2020	31/12/2021
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>1.188.668.989.978</b>	<b>1.541.572.566.621</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.532.150.483	46.655.503.955
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	738.976.245.850	820.684.526.437
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	105.406.126.143	117.263.070.074
4	Tài sản lưu động khác	34.661.968.670	45.016.990.577
5	Tài sản tài bảo hiểm	286.092.498.832	511.952.475.578
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>39.706.474.360</b>	<b>24.159.529.500</b>
1	Tài sản cố định	7.203.263.629	7.254.846.247
	Nguyên giá	58.974.113.606	62.231.053.720
	Khấu hao lũy kế	(51.770.849.977)	(54.976.207.473)
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.000.000.000	0
3	Ký quỹ	6.000.000.000	6.000.000.000
4	Tài sản khác	12.503.210.731	10.904.683.253
<b>III</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1.228.375.464.338</b>	<b>1.565.732.096.121</b>
<b>CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>IV</b>	<b>Công nợ</b>	<b>655.623.300.663</b>	<b>990.114.305.644</b>
1	Nợ ngắn hạn	198.956.524.703	236.690.213.886
2	Nợ dài hạn	108.072.319	85.537.432
3	Nợ khác	0	0
4	Dự phòng nghiệp vụ	456.558.703.641	753.338.554.326
<b>V</b>	<b>Nguồn Vốn chủ sở hữu</b>	<b>572.752.163.675</b>	<b>575.617.790.477</b>
1	Nguồn vốn kinh doanh	500.000.000.000	500.000.000.000
2	Các quỹ	8.510.523.888	8.653.805.228
3	Lợi nhuận chưa phân phối	64.241.639.787	66.963.985.249
4	Nguồn vốn khác	0	0
<b>VI</b>	<b>TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.228.375.464.338</b>	<b>1.565.732.096.121</b>

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (DVT: VND)**

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>317.226.248.968</b>	<b>340.875.171.801</b>
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài bảo hiểm, mỗi giới bảo hiểm	259.685.176.745	287.930.634.690
	Doanh thu về hoạt động tài chính	57.247.669.429	52.734.549.710
	Doanh thu khác	293.402.794	209.987.401
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>260.130.462.545</b>	<b>337.152.531.588</b>
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tài bảo hiểm, mỗi giới bảo hiểm	158.209.621.224	227.729.583.103
	Chi phí hoạt động tài chính	534.912.226	3.169.776.533
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.165.145.902	106.209.965.174
	Chi phí khác	220.783.193	43.206.778
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>57.095.786.423</b>	<b>3.722.640.213</b>
	Thuế thu nhập hiện hành	11.484.037.074	857.013.411
	Thuế thu nhập hoãn lại	(11.726.343)	0
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>45.623.475.692</b>	<b>2.865.626.802</b>

**III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	CHỈ TIÊU	DVT	2020	2021
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,59	0,46
	Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	96,77	98,46
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	53,37	63,24
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	46,63	36,76
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	0,88
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,81	1,56
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,65	0,24
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,57	1,00
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,30	0,50

Người Lập

VY THỊ THU VÂN

Kế Toán Trưởng

PHÙNG THỊ NGỌC

Tổng Giám Đốc



CHEN, CHENG - CHIU